

Mẫu số 01

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SON HÀ SÀI GÒN**

Số: *49*./2014/SHA

V/v: Công bố BCTC kiểm toán hợp  
nhất năm 2015 .

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

.....oOo.....

TP.HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2015

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn
2. Mã chứng khoán: SHA
3. Địa chỉ trực sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
4. Điện thoại: 08 37100101 Fax: 08 62511989
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thanh Lan
6. Nội dung của thông tin công bố:
  - Công bố báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2014 .

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính hợp nhất Công ty :

[www.sonhasg.com.vn](http://www.sonhasg.com.vn)

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC  
*Ngô Thị Thanh Lan*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**SƠN HÀ SÀI GÒN**

## MỤC LỤC

|  | Trang   |
|--|---------|
| 1. Mục lục   | 1       |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc   | 2 - 5   |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập   | 6 - 7   |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014   | 8 - 11  |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 12      |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014           | 13 - 14 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014    | 15 - 39 |

\*\*\*\*\*

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (công ty mẹ) và Công ty TNHH một thành viên công nghiệp Sơn Hà (gọi chung là Tập đoàn).

#### Khái quát về Tập đoàn

##### *Công ty mẹ*

Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 3 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 18 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 80.000.000.000 VND

Cổ phiếu của Công ty Sơn Hà Sài Gòn đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 21 tháng 01 năm 2013 với mã chứng khoán là SHA.

#### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại : (84-8) 3710 0101  
Fax : (84-8) 6251 9574  
Mã số thuế : 0307526635

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc (không hoạt động tại trụ sở);
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú; trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải, sợi, dệt, may, đan và gia công hàng đã qua sử dụng); Sản xuất giày dép (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất sản phẩm từ da lông thú (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất máy thông dụng khác (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị chiếu sáng (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất đồ điện dân dụng (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bao bì bằng gỗ (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom rạ và vật liệu tết bện (không hoạt động tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đầu (không hoạt động tại trụ sở);
- Điều hành tour du lịch;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ đồ ngũ kim, son, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng và trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế (không hoạt động tại trụ sở);



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đại lý du lịch (không hoạt động tại trụ sở); Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Đúc sắt, thép (không hoạt động tại trụ sở);
- Vận tải hàng khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng (không hoạt động tại trụ sở);
- Casting và hoàn thiện đá (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Hoạt động của các cơ sở vận tải như đi du thuyền; cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung (không hoạt động tại trụ sở);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán buôn đồ gia đình, chi tiết: bán buôn đồ điện gia dụng; đèn điện; bán buôn giường tủ, bán ghế và đồ dùng nội thất tương tự; hàng gốm sứ, thủy tinh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất sắt, gang, thép (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (không hoạt động tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích;
- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (không hoạt động tại trụ sở);
- Đúc kim loại màu (không hoạt động tại trụ sở);
- Rèn, đập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn, chi tiết: sửa chữa thùng, bể chứa và dụng cụ đựng bằng kim loại hư, lỗi của doanh nghiệp sản xuất;
- Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình, chi tiết: sửa chữa thùng, bể chứa và dụng cụ đựng bằng kim loại hư, lỗi của doanh nghiệp sản xuất (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.

SH  
C  
H  
T  
P  
NV

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

| <i>Công ty con</i>                             |   |   |                     |
|--|---|---|---------------------|
| <b>Tên công ty</b>                             | <b>Địa chỉ trụ sở chính</b>   | <b>Giấy phép thành lập</b>  | <b>Tỷ lệ sở hữu</b> |
| Công ty TNHH một thành viên công nghiệp Sơn Hà | Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000901682 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp | 100%                |

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 39).

Trong năm, theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 058/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2014 Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn đã phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

|                                   |                   |
|-----------------------------------|-------------------|
| - Trích quỹ đầu tư phát triển     | 220.878.353 VND   |
| - Trích quỹ dự phòng tài chính    | 110.439.177 VND   |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | 55.219.588 VND    |
| - Chia cổ tức                     | 2.400.000.000 VND |

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên            | Chức vụ  | Ngày bổ nhiệm        | Ngày miễn nhiệm      |
|----------------------|----------|----------------------|----------------------|
| Ông Lê Hoàng Hà      | Chủ tịch | 20 tháng 10 năm 2014 | -                    |
| Ông Lê Vĩnh Sơn      | Ủy viên  | 20 tháng 10 năm 2014 | -                    |
| Ông Phùng Việt Điều  | Ủy viên  | 25 tháng 4 năm 2012  | -                    |
| Ông Lê Văn Ngà       | Ủy viên  | 25 tháng 4 năm 2012  | -                    |
| Ông Nguyễn Văn Thuận | Ủy viên  | 20 tháng 10 năm 2014 | -                    |
| Ông Đặng Minh Quang  | Ủy viên  | 24 tháng 12 năm 2010 | 20 tháng 10 năm 2014 |

**Ban kiểm soát**

| Họ và tên            | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm        | Ngày miễn nhiệm     |
|----------------------|------------|----------------------|---------------------|
| Bà Phạm Thị Thanh Hà | Trưởng ban | 25 tháng 4 năm 2012  | -                   |
| Ông Ngô Văn Thông    | Thành viên | 24 tháng 12 năm 2010 | -                   |
| Ông Nguyễn Ngọc Phú  | Thành viên | 25 tháng 4 năm 2014  | -                   |
| Ông Nguyễn Văn Dũng  | Thành viên | 25 tháng 4 năm 2012  | 25 tháng 4 năm 2014 |

**Ban Tổng Giám đốc**

| Họ và tên            | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm        | Ngày miễn nhiệm      |
|----------------------|-------------------|----------------------|----------------------|
| Ông Nghiêm Phú Hùng  | Tổng Giám đốc     | 04 tháng 11 năm 2014 | -                    |
| Ông Phạm Hoàng Phong | Tổng Giám đốc     | 25 tháng 12 năm 2010 | 04 tháng 11 năm 2014 |
| Ông Trần Phú Quốc    | Phó Tổng Giám đốc | 29 tháng 3 năm 2013  | -                    |
| Bà Ngô Thị Thanh Lan | Phó Tổng Giám đốc | 29 tháng 3 năm 2013  | -                    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

**Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn đảm bảo rằng, Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Nghiêm Phú Hùng**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 27 tháng 3 năm 2015



Số: 0354/2015/BCTC-KTTV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần cổ phần Sơn Hà Sài Gòn và Công ty TNHH một thành viên công nghiệp Sơn Hà (gọi chung là Tập đoàn), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2015, từ trang 08 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



**Bùi Văn Khả - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

**Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0327-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>118.328.034.665</b> | <b>110.078.873.987</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>11.685.922.233</b>  | <b>4.069.788.896</b>   |
| 1. Tiền   | 111        |             | 11.685.922.233         | 4.069.788.896          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>      | <b>120</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Đầu tư ngắn hạn                                  | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn                | 129        |             | -                      | -                      |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>49.336.928.312</b>  | <b>47.804.692.789</b>  |
| 1. Phải thu khách hàng                              | 131        | V.2         | 41.239.970.921         | 48.399.208.784         |
| 2. Trả trước cho người bán                          | 132        | V.3         | 9.172.197.039          | 183.843.280            |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Các khoản phải thu khác                          | 135        | V.4         | 404.277.871            | 277.732.465            |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 139        | V.5         | (1.479.517.519)        | (1.056.091.740)        |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>55.673.892.516</b>  | <b>52.791.555.019</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.6         | 55.891.376.133         | 53.126.811.749         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        | V.7         | (217.483.617)          | (335.256.730)          |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>1.631.291.604</b>   | <b>5.412.837.283</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.8         | 233.356.531            | 89.254.375             |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | -                      | 103.745.364            |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 154        | V.9         | 154.842.480            | -                      |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 157        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 158        | V.10        | 1.243.092.593          | 5.219.837.544          |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| TÀI SẢN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |             | <b>102.103.901.926</b> | <b>103.708.574.729</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>          | <b>210</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng            | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc     | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ                    | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu dài hạn khác                      | 218        |             | -                      | -                      |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi          | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                    | <b>220</b> |             | <b>99.112.849.144</b>  | <b>102.541.476.476</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                   | 221        | V.11        | 34.680.129.401         | 39.412.791.969         |
| <i>Nguyên giá</i>                             | 222        |             | 49.568.427.316         | 50.828.114.721         |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                 | 223        |             | (14.888.297.915)       | (11.415.322.752)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính             | 224        | V.12        | 5.495.345.800          | 2.660.796.321          |
| <i>Nguyên giá</i>                             | 225        |             | 5.994.826.127          | 2.736.539.354          |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                 | 226        |             | (499.480.327)          | (75.743.033)           |
| 3. Tài sản cố định vô hình                    | 227        | V.13        | 33.812.552.970         | 34.359.430.850         |
| <i>Nguyên giá</i>                             | 228        |             | 37.035.560.444         | 36.756.600.444         |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                 | 229        |             | (3.223.007.474)        | (2.397.169.594)        |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang            | 230        | V.14        | 25.124.820.973         | 26.108.457.336         |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>               | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                             | 241        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                 | 242        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b> | <b>250</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Đầu tư vào công ty con                     | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh    | 252        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư dài hạn khác                        | 258        |             | -                      | -                      |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>               | <b>260</b> |             | <b>2.991.052.782</b>   | <b>1.167.098.253</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                  | 261        | V.15        | 2.602.282.782          | 1.086.158.253          |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại             | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản dài hạn khác                       | 268        | V.16        | 388.770.000            | 80.940.000             |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                      | <b>270</b> |             | <b>220.431.936.591</b> | <b>213.787.448.716</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>117.538.973.732</b> | <b>118.607.603.416</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>109.138.358.931</b> | <b>107.462.778.416</b> |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn                               | 311        | V.17        | 39.822.833.069         | 36.060.177.641         |
| 2. Phải trả người bán                               | 312        | V.18        | 62.620.303.969         | 67.697.908.530         |
| 3. Người mua trả tiền trước                         | 313        |             | 458.229.013            | 50.444.355             |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 314        | V.19        | 1.908.510.874          | 549.493.443            |
| 5. Phải trả người lao động                          | 315        | V.20        | 2.649.913.295          | 2.137.804.316          |
| 6. Chi phí phải trả                                 | 316        | V.21        | 1.458.943.625          | 679.573.791            |
| 7. Phải trả nội bộ                                  | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318        |             | -                      | -                      |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác       | 319        | V.22        | 7.268.247              | 130.239.089            |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 320        |             | -                      | -                      |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 323        | V.23        | 212.356.839            | 157.137.251            |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 327        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>8.400.614.801</b>   | <b>11.144.825.000</b>  |
| 1. Phải trả dài hạn người bán                       | 331        |             | -                      | 10.000.000             |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ                          | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Phải trả dài hạn khác                            | 333        | V.24        | 238.100.000            | 159.500.000            |
| 4. Vay và nợ dài hạn                                | 334        | V.25        | 8.162.514.801          | 10.975.325.000         |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                  | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm                    | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn                        | 337        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện                         | 338        |             | -                      | -                      |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ             | 339        |             | -                      | -                      |
| <b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                     | <b>400</b> |             | <b>102.892.962.859</b> | <b>95.179.845.300</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                            | <b>410</b> |             | <b>102.892.962.859</b> | <b>95.179.845.300</b>  |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                        | 411        | V.26        | 80.000.000.000         | 80.000.000.000         |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                             | 412        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Cổ phiếu quỹ                                     | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                  | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                       | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển                            | 417        | V.26        | 849.427.358            | 628.549.005            |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính                           | 418        | V.26        | 424.713.679            | 314.274.502            |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                    | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối               | 420        | V.26        | 21.618.821.822         | 14.237.021.793         |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                | 421        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                 | 422        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>               | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí                                   | 432        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định     | 433        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                          | <b>440</b> |             | <b>220.431.936.591</b> | <b>213.787.448.716</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

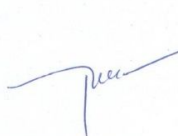
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)


### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

| CHỈ TIÊU                                       | Thuyết minh | Số cuối năm |            |
|--|-------------|-------------|------------|
|  |             | Số cuối năm | Số đầu năm |
| 1. Tài sản thuê ngoài                          |             | -           | -          |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công |             | -           | -          |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược  |             | -           | -          |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý                         |             | -           | -          |
| 5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)          |             | 101,62      | 102,06     |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án                |             | -           | -          |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2015

  
Nguyễn Văn Tuấn  
Người lập biểu

  
Ngô Thị Thanh Lan  
Kế toán trưởng

  
Nghiêm Phú Hùng  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND      |                      |
|--|-------|-------------|-----------------------|----------------------|
|  |       |             | Năm nay               | Năm trước            |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 447.956.455.767       | 346.770.764.510      |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    | VI.1        | 3.622.613.963         | 2.679.738.966        |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    | VI.1        | 444.333.841.804       | 344.091.025.544      |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 383.638.600.473       | 297.785.738.575      |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 60.695.241.331        | 46.305.286.969       |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 58.008.859            | 2.280.798.574        |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | 4.178.959.646         | 4.894.375.999        |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 4.100.848.465         | 4.856.537.133        |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 24    | VI.5        | 30.647.901.948        | 24.788.482.296       |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 25    | VI.6        | 12.463.942.259        | 11.431.802.012       |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 13.462.446.337        | 7.471.425.236        |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.7        | 423.421.112           | 983.071.006          |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.8        | 666.431.492           | 931.602.657          |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | (243.010.380)         | 51.468.349           |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 13.219.435.957        | 7.522.893.585        |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.19        | 3.051.098.810         | 2.000.934.752        |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -                     | -                    |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | <u>10.168.337.147</u> | <u>5.521.958.833</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.9        | <u>1.271</u>          | <u>690</u>           |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2015

\_\_\_\_\_  
Nguyễn Văn Tuấn  
Người lập biểu

\_\_\_\_\_  
Ngô Thị Thanh Lan  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
Nguyễn Phú Hùng  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số | Thuyết minh      | Năm nay               | Năm trước               |
|---|-------|------------------|-----------------------|-------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |       |                  |                       |                         |
| 1. Lợi nhuận trước thuế   | 01    |                  | 13.219.435.957        | 7.522.893.585           |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:  |       |                  |                       |                         |
| - Khấu hao tài sản cố định  | 02    | V.11, V.12, V.13 | 5.501.236.154         | 5.161.328.146           |
| - Các khoản dự phòng  | 03    | V.5, V.7         | 305.652.666           | (731.851.117)           |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện                             | 04    |                  | -                     | -                       |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư   | 05    | VI.7, VI.8       | 401.001.588           | (2.208.064.047)         |
| - Chi phí lãi vay   | 06    | VI.4             | 4.100.848.465         | 4.856.537.133           |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                | 08    |                  | 23.528.174.830        | 14.600.843.700          |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu   | 09    |                  | 1.586.864.376         | 4.271.669.081           |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho   | 10    |                  | (2.764.564.384)       | (4.597.687.128)         |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả   | 11    |                  | (2.845.735.029)       | (44.215.046.176)        |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước  | 12    |                  | (262.772.140)         | (140.746.549)           |
| - Tiền lãi vay đã trả   | 13    | VI.4, V.21       | (4.041.298.868)       | (4.955.983.230)         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp   | 14    | V.19             | (2.418.408.267)       | (2.216.389.271)         |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh   | 15    |                  | 127.200.000           | 7.000.000               |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh  | 16    |                  | (376.630.000)         | (112.940.000)           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                            | 20    |                  | <b>12.532.830.518</b> | <b>(37.359.279.573)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |       |                  |                       |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21    | V.12, V.13, VII  | (995.334.955)         | (6.012.369.312)         |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22    | VI.7             | 80.000.000            | 710.385.606             |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23    |                  | -                     | (27.500.000.000)        |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                 | 24    |                  | -                     | 27.500.000.000          |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                     | 25    |                  | -                     | -                       |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                 | 26    |                  | -                     | -                       |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27    |                  | -                     | 2.203.180.933           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                | 30    |                  | <b>(915.334.955)</b>  | <b>(3.098.802.773)</b>  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

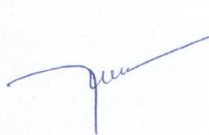

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh |                        |                         |
|--|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
|  |           |             | Năm nay                | Năm trước               |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                        |                         |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                      | -                       |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                      | -                       |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được  | 33        | V.17        | 63.304.589.392         | 68.702.427.699          |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay   | 34        | V.17        | (64.114.987.700)       | (58.822.559.622)        |
| 5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính  | 35        | V.17, V.25  | (798.031.918)          | (93.000.000)            |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        | V.26        | (2.392.932.000)        | (4.050.624.876)         |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>  | <i>40</i> |             | <i>(4.001.362.226)</i> | <i>5.736.243.201</i>    |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |             | <b>7.616.133.337</b>   | <b>(34.721.839.145)</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>4.069.788.896</b>   | <b>38.791.628.041</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | -                      | -                       |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>11.685.922.233</b>  | <b>4.069.788.896</b>    |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2015


Nguyễn Văn Tuấn  
Người lập biểu

Ngô Thị Thanh Lan  
Kế toán trưởngNguyễn Phú Hùng  
Tổng Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** Năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (công ty mẹ) và Công ty TNHH một thành viên công nghiệp Sơn Hà (gọi chung là Tập đoàn).

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cấu kiện kim loại, thùng bể chứa và dụng cụ chứa bằng kim loại.
- Công ty con được hợp nhất**

| <i>Tên công ty</i>                             | <i>Địa chỉ trụ sở chính</i>   | <i>Tỷ lệ lợi ích</i> | <i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i> |
|--|---|----------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH một thành viên công nghiệp Sơn Hà | Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam | 100%                 | 100%                          |

- Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tập đoàn có 221 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 194 nhân viên).

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**  
Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đồng 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (công ty mẹ) và công ty con (Công ty TNHH một thành viên công nghiệp Sơn Hà). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Các Công ty trong Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### **3. Hợp nhất kinh doanh**

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

### **4. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc      | 03 – 46       |
| Máy móc thiết bị            | 04 – 09       |
| Phương tiện vận tải         | 04 – 10       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý   | 03 – 05       |

### 8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10            |

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (46 năm).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### ***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

#### **10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm quyền sử dụng đất và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

#### **11. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **12. Chi phí trả trước dài hạn**

##### ***Chi phí sửa chữa***

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, sửa chữa văn phòng phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 36 tháng.

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### **13. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### **14. Trợ cấp thôi việc**

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động..

#### **15. Nguồn vốn kinh doanh**

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn chi bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn.

#### **16. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn như sau:

|                             | Mục đích   |
|-----------------------------|--|
| • Quỹ đầu tư phát triển     | Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty  |
| • Quỹ dự phòng tài chính    | Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,.... |
| • Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động                              |

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.084 VND/USD  
31/12/2014 : 21.358 VND/USD

### 20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 21. Tài sản tài chính

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm nhóm các khoản cho vay và phải thu.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### 22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### 23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                    | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>           |
|--------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt           | 291.444.615                  | 631.892.278                 |
| Tiền gửi ngân hàng | 11.394.477.618               | 3.437.896.618               |
| <b>Cộng</b>        | <b><u>11.685.922.233</u></b> | <b><u>4.069.788.896</u></b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****2. Phải thu khách hàng**

|   | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Công ty TNHH chế tạo cơ khí Hoàng Lâm               | 5.911.031.642                | -                            |
| Công ty TNHH sản xuất thương mại Inox Đoàn          | 2.612.555.408                | 4.483.935.435                |
| Cửa hàng vật liệu xây dựng Hoàng Duy                | 1.608.085.286                | -                            |
| Công ty TNHH thương mại và sản xuất Kim Thanh Long  | 1.086.147.114                | 546.865.619                  |
| Cửa hàng Quý Sơn Hà                                 | 1.038.351.216                | 1.059.841.216                |
| Cửa hàng Long Nga                                   | 907.802.106                  | 374.554.970                  |
| Cửa hàng vật liệu xây dựng Minh Ngọc                | 887.914.457                  | 201.673.394                  |
| Cửa hàng vật liệu xây dựng số 02                    | 829.141.490                  | 280.378.968                  |
| Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Phong Phú       | 822.711.533                  | 822.711.533                  |
| Cửa hàng Thu Hải                                    | 528.123.394                  | 3.256.286.094                |
| Công ty TNHH thương mại trang trí nội thất Tiến Đạt | 562.132.952                  | 656.572.799                  |
| Công ty TNHH Duy Luận                               | 518.593.133                  | 700.965.500                  |
| Công ty cổ phần Minh An Phát                        | 329.091.930                  | 795.960.964                  |
| Công ty TNHH Hiệp Hương                             | 234.373.366                  | 868.067.256                  |
| Công ty TNHH Nam Huy Hoàng                          | -                            | 1.386.232.044                |
| Cửa hàng Đức Trung                                  | -                            | 954.733.741                  |
| Công ty TNHH Bảo Gia                                | -                            | 624.994.097                  |
| Các khách hàng khác                                 | 23.363.915.894               | 31.385.435.154               |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>41.239.970.921</u></b> | <b><u>48.399.208.784</u></b> |

**3. Trả trước cho người bán**

|  | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>         |
|--|-----------------------------|---------------------------|
| Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Đại Bắc | 4.000.000.000               | -                         |
| Công ty TNHH thương mại Inox Nhật Minh         | 4.000.000.000               | -                         |
| Nhà cung cấp khác                              | 1.172.197.039               | 183.843.280               |
| <b>Cộng</b>                                    | <b><u>9.172.197.039</u></b> | <b><u>183.843.280</u></b> |

**4. Các khoản phải thu khác**

|                                      | <u>Số cuối năm</u>        | <u>Số đầu năm</u>         |
|--------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng thuế tài chính | 322.788.866               | 173.742.456               |
| Phải thu BHXH của nhân viên          | 55.638.967                | 48.372.644                |
| Các khoản phải thu khác              | 25.850.038                | 55.617.365                |
| <b>Cộng</b>                          | <b><u>404.277.871</u></b> | <b><u>277.732.465</u></b> |

**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

|  | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm               | -                           | 268.947.760                 |
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm | 1.157.011.767               | 637.625.481                 |
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm | 288.030.851                 | 63.294.000                  |
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm               | 34.474.901                  | 86.224.499                  |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>1.479.517.519</u></b> | <b><u>1.056.091.740</u></b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

|                            |                      |
|----------------------------|----------------------|
| Số đầu năm                 | 1.056.091.740        |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 423.425.779          |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>1.479.517.519</b> |

**6. Hàng tồn kho**

|                             | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Hàng mua đang đi trên đường | 5.882.907.600         | 2.435.870.234         |
| Nguyên liệu, vật liệu       | 18.995.660.020        | 17.638.257.094        |
| Thành phẩm                  | 5.533.108.685         | 3.800.905.724         |
| Hàng hóa                    | 25.479.699.828        | 29.251.778.697        |
| <b>Cộng</b>                 | <b>55.891.376.133</b> | <b>53.126.811.749</b> |

Hàng tồn kho có giá trị 42.427.000.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hàm Nghi.

**7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

|                 | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u>  |
|-----------------|--------------------|--------------------|
| Nguyên vật liệu | -                  | 11.240.727         |
| Thành phẩm      | -                  | 110.267.086        |
| Hàng hóa        | 217.483.617        | 213.748.917        |
| <b>Cộng</b>     | <b>217.483.617</b> | <b>335.256.730</b> |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

|                    |                    |
|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm         | 335.256.730        |
| Hoàn nhập dự phòng | (117.773.113)      |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>217.483.617</b> |

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                   | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|--------------------|-------------------|
| Công cụ dụng cụ                   | 66.856.531         | 89.254.375        |
| Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng | 166.500.000        | -                 |
| <b>Cộng</b>                       | <b>233.356.531</b> | <b>89.254.375</b> |

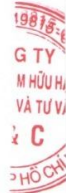
**9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

|                                   |                    |
|-----------------------------------|--------------------|
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa | 146.253.861        |
| Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa     | 8.588.619          |
| <b>Cộng</b>                       | <b>154.842.480</b> |

**10. Tài sản ngắn hạn khác**

|  | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|--|----------------------|----------------------|
| Tạm ứng                                    | 1.187.292.593        | 5.184.737.544        |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 55.800.000           | 35.100.000           |
| <b>Cộng</b>                                | <b>1.243.092.593</b> | <b>5.219.837.544</b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

|   | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc | Máy móc và<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải,<br>truyền dẫn | Thiết bị, dụng<br>cụ quản lý | Cộng                  |
|---|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                           |                           |                        |                                       |                              |                       |
| Số đầu năm                                  | 24.917.075.597            | 17.141.853.742         | 8.425.545.473                         | 343.639.909                  | 50.828.114.721        |
| Thanh lý, nhượng<br>bán                     | -                         | (948.425.500)          | (311.261.905)                         | -                            | (1.259.687.405)       |
| <b>Số cuối năm</b>                          | <b>24.917.075.597</b>     | <b>16.193.428.242</b>  | <b>8.114.283.568</b>                  | <b>343.639.909</b>           | <b>49.568.427.316</b> |
| <i>Trong đó:</i>                            |                           |                        |                                       |                              |                       |
| Đã khấu hao hết<br>nhưng vẫn còn sử<br>dụng | 172.316.535               | 163.174.600            | -                                     | 34.088.091                   | 369.579.226           |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                      |                           |                        |                                       |                              |                       |
| Số đầu năm                                  | 2.564.023.214             | 5.481.372.650          | 3.189.901.980                         | 180.024.908                  | 11.415.322.752        |
| Khấu hao trong<br>năm                       | 995.057.118               | 2.324.885.930          | 868.420.104                           | 63.297.828                   | 4.251.660.980         |
| Thanh lý, nhượng<br>bán                     | -                         | (467.423.912)          | (311.261.905)                         | -                            | (778.685.817)         |
| <b>Số cuối năm</b>                          | <b>3.559.080.332</b>      | <b>7.338.834.668</b>   | <b>3.747.060.179</b>                  | <b>243.322.736</b>           | <b>14.888.297.915</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                      |                           |                        |                                       |                              |                       |
| Số đầu năm                                  | 22.353.052.383            | 11.660.481.092         | 5.235.643.493                         | 163.615.001                  | 39.412.791.969        |
| <b>Số cuối năm</b>                          | <b>21.357.995.265</b>     | <b>8.854.593.574</b>   | <b>4.367.223.389</b>                  | <b>100.317.173</b>           | <b>34.680.129.401</b> |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 35.455.274.986 VND và 28.107.692.641 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

**12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

|                    | Nguyên giá           | Giá trị hao mòn    | Giá trị còn lại      |
|--------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| Số đầu năm         | 2.736.539.354        | 75.743.033         | 2.660.796.321        |
| Tăng trong năm     | 3.258.286.773        | 423.737.294        |                      |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>5.994.826.127</b> | <b>499.480.327</b> | <b>5.495.345.800</b> |

**13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

|  | Quyền sử dụng đất     | Phần mềm<br>máy tính | Cộng                  |
|--|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                        |                       |                      |                       |
| Số đầu năm                               | 36.756.600.444        | -                    | 36.756.600.444        |
| Mua trong năm                            | -                     | 278.960.000          | 278.960.000           |
| <b>Số cuối năm</b>                       | <b>36.756.600.444</b> | <b>278.960.000</b>   | <b>37.035.560.444</b> |
| <i>Trong đó:</i>                         |                       |                      |                       |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử<br>dụng | -                     | -                    | -                     |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                   |                       |                      |                       |
| Số đầu năm                               | 2.397.169.594         | -                    | 2.397.169.594         |
| Khấu hao trong năm                       | 799.056.540           | 26.781.340           | 825.837.880           |
| <b>Số cuối năm</b>                       | <b>3.196.226.134</b>  | <b>26.781.340</b>    | <b>3.223.007.474</b>  |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|                        | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Phần mềm máy tính</u> | <u>Cộng</u>           |
|------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------|
| <b>Giá trị còn lại</b> |                          |                          |                       |
| Số đầu năm             | 34.359.430.850           | -                        | 34.359.430.850        |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>33.560.374.310</b>    | <b>252.178.660</b>       | <b>33.812.552.970</b> |
| <i>Trong đó:</i>       |                          |                          |                       |
| Tạm thời chưa sử dụng  | -                        | -                        | -                     |
| Đang chờ thanh lý      | -                        | -                        | -                     |

Quyền sử dụng 7.064,7 m<sup>2</sup> tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng.

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|                             | <u>Số đầu năm</u>     | <u>Chi phí phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển giảm khác</u> | <u>Số cuối năm</u>    |
|-----------------------------|-----------------------|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| Quyền sử dụng đất (*)       | 25.072.093.700        | -                                  | -                           | 25.072.093.700        |
| Tiền thuê đất tại Quảng Nam | 1.036.363.636         | 16.363.637                         | (1.000.000.000)             | 52.727.273            |
| <b>Cộng</b>                 | <b>26.108.457.336</b> | <b>16.363.637</b>                  | <b>(1.000.000.000)</b>      | <b>25.124.820.973</b> |

(\*) Quyền sử dụng đất 5.786,5 m<sup>2</sup> tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Hiện Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

|                             | <u>Số đầu năm</u>    | <u>Chi phí phát sinh trong năm</u> | <u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u>   |
|-----------------------------|----------------------|------------------------------------|--------------------------------------|----------------------|
| Chi phí sửa chữa            | 598.971.702          | 322.347.523                        | (293.502.181)                        | 627.817.044          |
| Công cụ, dụng cụ            | 487.186.551          | 869.992.450                        | (382.713.263)                        | 974.465.738          |
| Tiền thuê đất tại Quảng Nam | -                    | 1.000.000.000                      | -                                    | 1.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>                 | <b>1.086.158.253</b> | <b>2.192.339.973</b>               | <b>(676.215.444)</b>                 | <b>2.602.282.782</b> |

**16. Tài sản dài hạn khác**

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

**17. Vay và nợ ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng  | 34.744.052.888        | 30.700.000.000        |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng <sup>(a)</sup> | 28.744.052.888        | 15.700.000.000        |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hàm Nghi <sup>(b)</sup> | 6.000.000.000         | 15.000.000.000        |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25)                                       | 3.952.551.445         | 4.854.302.641         |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25)                                 | 1.126.228.736         | 505.875.000           |
| <b>Cộng</b>   | <b>39.822.833.069</b> | <b>36.060.177.641</b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng dùng bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, và các công trình văn phòng, nhà xưởng gắn liền với đất.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hàm Nghi dùng bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc bảo lãnh vay bằng thế chấp quyền sử dụng đất tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh của Công ty cổ phần sản xuất thương mại và đầu tư Thịnh Phát, và thế chấp hàng hóa tồn kho luân chuyển bình quân gồm nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm, thành phẩm gửi bán, hàng hóa gửi bán thuộc sở hữu Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn có giá trị 42.427.000.000 đồng.

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:**

|                               | Số đầu năm            | Số tiền vay phát sinh trong năm |   | Số kết chuyển trong năm | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm           |
|-------------------------------|-----------------------|---------------------------------|---|-------------------------|------------------------------|-----------------------|
|                               |                       |                                 |   |                         |                              |                       |
| Vay ngắn hạn                  | 30.700.000.000        | 63.304.589.392                  |   | -                       | (59.260.536.504)             | 34.744.052.888        |
| Vay dài hạn đến hạn trả       | 4.854.302.641         |                                 | - | 3.952.700.000           | (4.854.451.196)              | 3.952.551.445         |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 505.875.000           |                                 | - | 1.151.840.438           | (531.486.702)                | 1.126.228.736         |
| <b>Cộng</b>                   | <b>36.060.177.641</b> | <b>63.304.589.392</b>           |   | <b>5.104.540.438</b>    | <b>(64.646.474.402)</b>      | <b>39.822.833.069</b> |

**18. Phải trả người bán**

|  | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty cổ phần quốc tế Sơn Hà                 | 50.605.627.771        | 57.936.116.353        |
| Công ty TNHH Posco VST                         | 8.502.629.773         | 5.688.103.773         |
| Công ty cổ phần phát triển năng lượng Sơn Hà   | 2.527.803.138         | 948.891.140,00        |
| Nanning Gaoli Industrial and Trading Co., Ltd. | -                     | 1.702.882.845         |
| Các nhà cung cấp khác                          | 984.243.287           | 1.421.914.419         |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>62.620.303.969</b> | <b>67.697.908.530</b> |

**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|   | Số đầu năm         | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm    | Số cuối năm          |
|---|--------------------|-----------------------|------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa              | 345.987.290        | 5.116.644.118         | (4.520.011.204)        | 942.620.204          |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu <sup>(*)</sup> | -                  | 2.240.136.241         | (2.386.390.102)        | (146.253.861)        |
| Thuế xuất, nhập khẩu <sup>(*)</sup>     | -                  | 166.011.656           | (174.600.275)          | (8.588.619)          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp              | 191.897.816        | 3.051.098.810         | (2.418.408.267)        | 824.588.359          |
| Thuế thu nhập cá nhân                   | 11.608.337         | 198.856.306           | (69.162.332)           | 141.302.311          |
| Các loại thuế khác                      | -                  | 7.000.000             | (7.000.000)            | -                    |
| <b>Cộng</b>                             | <b>549.493.443</b> | <b>10.779.747.131</b> | <b>(9.575.572.180)</b> | <b>1.753.668.394</b> |

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Thuế giá trị gia tăng**

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa cung cấp cho khách hàng trong khu chế xuất hay xuất khẩu : 0%
- Hàng hóa cung cấp cho khách hàng trong nước : 10%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% (năm trước thuế suất 25%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 13.219.435.957              | 7.522.893.585               |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                             |                             |
| - Các khoản điều chỉnh tăng  | 649.194.999                 | 480.845.421                 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm  | -                           | -                           |
| Thu nhập chịu thuế   | 13.868.630.956              | 8.003.739.006               |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 22%                         | 25%                         |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>   | <b><u>3.051.098.810</u></b> | <b><u>2.000.934.752</u></b> |

**Các loại thuế khác**

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

20. **Phải trả người lao động**  
Tiền lương tháng 12 và tháng 13 phải trả nhân viên.

|                                  | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>         |
|----------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Chi phí công tác, xăng dầu, khác | 1.399.394.028               | 679.573.791               |
| Chi phí lãi vay                  | 59.549.597                  | -                         |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>1.458.943.625</u></b> | <b><u>679.573.791</u></b> |

22. **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**
- |                                |                           |
|--------------------------------|---------------------------|
| Số đầu năm                     | 157.137.251               |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 55.219.588                |
| <b>Số cuối năm</b>             | <b><u>212.356.839</u></b> |

23. **Phải trả dài hạn khác**  
Các khoản nhận ký quỹ, đặt cọc dài hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****24. Vay và nợ dài hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng   | 5.598.000.000               | 9.550.700.000                |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đông <sup>(a)</sup> | 5.598.000.000               | 9.086.000.000                |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Chợ Lớn                           | -                           | 464.700.000                  |
| Nợ dài hạn <sup>(d)</sup>   | <u>2.564.514.801</u>        | <u>1.424.625.000</u>         |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>8.162.514.801</u></b> | <b><u>10.975.325.000</u></b> |

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đông để hoàn vốn chủ sở hữu cho Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn của dự án “Đầu tư xây dựng nhà xưởng tại 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh”, với lãi suất được quy định trong từng kế ước. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, và các công trình nhà văn phòng, nhà xưởng gắn liền với đất.

(b) Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền mua xe với lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đầu tiên được điều chỉnh 6 tháng một lần.

**Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:**

|                       | <u>Tổng nợ</u>               | <u>Từ 01 năm trở xuống</u>  | <u>Trên 01 năm đến 05 năm</u> | <u>Trên 05 năm</u> |
|-----------------------|------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|--------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 9.550.551.445                | 3.952.551.445               | 5.598.000.000                 | -                  |
| Thuê tài chính        | 3.690.743.537                | 1.126.228.736               | 2.564.514.801                 | -                  |
| <b>Cộng</b>           | <b><u>13.241.294.982</u></b> | <b><u>5.078.780.181</u></b> | <b><u>8.162.514.801</u></b>   | <b><u>-</u></b>    |

**Chi tiết số phát sinh của khoản vay và nợ dài hạn như sau:**

|                       | <u>Số đầu năm</u>            | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Số kết chuyển</u>          | <u>Số cuối năm</u>          |
|-----------------------|------------------------------|--|-------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 9.550.700.000                | -                                      | -                                   | (3.952.700.000)               | 5.598.000.000               |
| Thuê tài chính        | 1.424.625.000                | 2.558.275.455                          | (266.545.216)                       | (1.151.840.438)               | 2.564.514.801               |
| <b>Cộng</b>           | <b><u>10.975.325.000</u></b> | <b><u>2.558.275.455</u></b>            | <b><u>(266.545.216)</u></b>         | <b><u>(5.104.540.438)</u></b> | <b><u>8.162.514.801</u></b> |

**25. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                          | <u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u> | <u>Quỹ đầu tư phát triển</u> | <u>Quỹ dự phòng tài chính</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u>                  |
|--------------------------|----------------------------------|------------------------------|-------------------------------|--|------------------------------|
| Số dư đầu năm trước      | 80.000.000.000                   | 366.579.941                  | 183.289.970                   | 9.173.508.822                            | 89.723.378.733               |
| Lợi nhuận trong năm      | -                                | -                            | -                             | 5.521.958.833                            | 5.521.958.833                |
| Trích lập quỹ trong năm  | -                                | 261.969.064                  | 130.984.532                   | (458.445.862)                            | (65.492.266)                 |
| <b>Số cuối năm trước</b> | <b><u>80.000.000.000</u></b>     | <b><u>628.549.005</u></b>    | <b><u>314.274.502</u></b>     | <b><u>14.237.021.793</u></b>             | <b><u>95.179.845.300</u></b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|                             | Vốn đầu tư<br>của chủ sở<br>hữu | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Quỹ dự<br>phòng tài<br>chính | Lợi nhuận<br>sau thuế<br>chưa phân phối | Cộng                   |
|-----------------------------|---------------------------------|--------------------------|------------------------------|---|------------------------|
| Số dư đầu năm nay           | 80.000.000.000                  | 628.549.005              | 314.274.502                  | 14.237.021.793                          | 95.179.845.300         |
| Lợi nhuận trong năm nay     | -                               | -                        | -                            | 10.168.337.147                          | 10.168.337.147         |
| Trích các quỹ trong năm nay | -                               | 220.878.353              | 110.439.177                  | (386.537.118)                           | (55.219.588)           |
| Chia cổ tức trong năm nay   | -                               | -                        | -                            | (2.400.000.000)                         | (2.400.000.000)        |
| <b>Số cuối năm nay</b>      | <b>80.000.000.000</b>           | <b>849.427.358</b>       | <b>424.713.679</b>           | <b>21.618.821.822</b>                   | <b>102.892.962.859</b> |

**Cổ tức**

Cổ tức năm trước đã chi trả trong năm nay với số tiền 2.392.932.000 VND.

**Cổ phiếu**

|                                     | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 8.000.000   | 8.000.000  |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành      | 8.000.000   | 8.000.000  |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 8.000.000   | 8.000.000  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại      | -           | -          |
| - Cổ phiếu phổ thông                | -           | -          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 8.000.000   | 8.000.000  |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 8.000.000   | 8.000.000  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                                  | Năm nay                | Năm nay                |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Tổng doanh thu                   | 447.956.455.767        | 346.770.764.510        |
| - Doanh thu bán hàng hóa         | 282.322.229.851        | 214.468.319.107        |
| - Doanh thu bán thành phẩm       | 165.634.225.916        | 132.302.445.403        |
| Các khoản giảm trừ doanh thu:    | (3.622.613.963)        | (2.679.738.966)        |
| - Chiết khấu thương mại          | (2.104.970.666)        | (1.401.988.643)        |
| - Hàng bán bị trả lại            | (1.517.643.297)        | (1.277.750.323)        |
| <b>Doanh thu thuần</b>           | <b>444.333.841.804</b> | <b>344.091.025.544</b> |
| Trong đó:                        |                        |                        |
| - Doanh thu thuần bán hàng hóa   | 279.039.458.904        | 211.825.948.322        |
| - Doanh thu thuần bán thành phẩm | 165.294.382.900        | 132.265.077.222        |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****2. Giá vốn hàng bán**

|   | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp                  | 253.286.501.114               | 191.938.368.542               |
| Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp <sup>(i)</sup> | 130.469.872.472               | 107.054.816.042               |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                    | (117.773.113)                 | (1.207.446.009)               |
| <b>Cộng</b>                                       | <b><u>383.638.600.473</u></b> | <b><u>297.785.738.575</u></b> |

**(i) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:**

|   | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp         | 122.029.853.638               | 96.426.329.756                |
| Chi nhân công trực tiếp                   | 2.521.822.880                 | 1.930.226.523                 |
| Chi phí sản xuất chung                    | 8.217.320.619                 | 9.215.526.431                 |
| <b>Tổng giá thành sản xuất</b>            | <b><u>132.768.997.137</u></b> | <b><u>107.572.082.710</u></b> |
| Chênh lệch tồn kho thành phẩm             | (1.732.202.961)               | (732.471.633)                 |
| Thành phẩm xuất khác                      | (566.921.704)                 | -                             |
| Chênh lệch tồn kho hàng gửi bán           | -                             | 215.204.965                   |
| <b>Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp</b> | <b><u>130.469.872.472</u></b> | <b><u>107.054.816.042</u></b> |

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                           | <u>Năm nay</u>           | <u>Năm trước</u>            |
|---------------------------|--------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 58.008.859               | 77.617.641                  |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn    | -                        | 249.425.000                 |
| Tiền lãi cho vay          | -                        | 1.953.755.933               |
| <b>Cộng</b>               | <b><u>58.008.859</u></b> | <b><u>2.280.798.574</u></b> |

**4. Chi phí tài chính**

|                                   | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|-----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay                   | 4.100.848.465               | 4.856.537.133               |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 78.111.181                  | 37.838.866                  |
| <b>Cộng</b>                       | <b><u>4.178.959.646</u></b> | <b><u>4.894.375.999</u></b> |

**5. Chi phí bán hàng**

|                                  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 11.362.152.640               | 7.916.073.123                |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 1.032.741.904                | 994.056.543                  |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.210.497.682                | 747.140.321                  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 8.071.765.090                | 7.442.134.638                |
| Chi phí khác                     | 8.970.744.632                | 7.689.077.671                |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>30.647.901.948</u></b> | <b><u>24.788.482.296</u></b> |

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                  | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|----------------|------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 6.510.681.116  | 7.231.630.471    |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 531.831.956    | 617.143.367      |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.527.571.102  | 1.162.276.730    |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|  | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí dự phòng   | 423.425.779                   | 475.594.892                   |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài  | 1.400.087.830                 | 605.691.914                   |
| Chi phí khác   | 2.070.344.476                 | 1.339.464.638                 |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>12.463.942.259</u></b>  | <b><u>11.431.802.012</u></b>  |
| <b>7. Thu nhập khác</b>  | <b><u>Năm nay</u></b>         | <b><u>Năm trước</u></b>       |
| Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định  | 80.000.000                    | 710.385.606                   |
| Thu tiền cho thuê tài sản  | 192.145.153                   | 159.443.880                   |
| Thu nhập khác  | 151.275.959                   | 113.241.520                   |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>423.421.112</u></b>     | <b><u>983.071.006</u></b>     |
| <b>8. Chi phí khác</b>   | <b><u>Năm nay</u></b>         | <b><u>Năm trước</u></b>       |
| Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán   | 481.001.588                   | 705.502.492                   |
| Chi phí khấu hao tài sản cho thuê  | 159.223.608                   | 159.402.504                   |
| Xử lý hàng thiếu   | 13.741.204                    | 50.138.422                    |
| Chi phí khác   | 12.465.092                    | 16.559.239                    |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>666.431.492</u></b>     | <b><u>931.602.657</u></b>     |
| <b>9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>   | <b><u>Năm nay</u></b>         | <b><u>Năm trước</u></b>       |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp   | 10.168.337.147                | 5.521.958.833                 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | -                             | -                             |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông  | 10.168.337.147                | 5.521.958.833                 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm   | 8.000.000                     | 8.000.000                     |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>  | <b><u>1.271</u></b>           | <b><u>690</u></b>             |
| <b>10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>   | <b><u>Năm nay</u></b>         | <b><u>Năm trước</u></b>       |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu  | 126.807.702.884               | 102.460.695.793               |
| Chi phí nhân công  | 21.325.428.292                | 17.439.456.342                |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định   | 5.342.012.546                 | 5.161.328.146                 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài  | 10.941.182.735                | 9.386.152.040                 |
| Chi phí khác   | 11.464.514.887                | 9.504.137.201                 |
| <b>Tổng</b>  | <b><u>175.880.841.344</u></b> | <b><u>143.951.769.522</u></b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Trong năm Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

|  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ    | 11.316.284                  | 11.316.284                  |
| Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính | 2.558.275.455               | 2.023.500.000               |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>2.569.591.739</u></b> | <b><u>2.034.816.284</u></b> |

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải thu tiền tạm ứng và cho mượn các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan là 205.300.000 VND (số đầu năm là 4.515.000.000 VND).

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt năm nay là 1.186.313.000 VND (năm trước là 505.228.000 VND).

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn gồm:

| <b>Bên liên quan</b>                                      | <b>Mối quan hệ</b>   |
|---|--|
| Công ty cổ phần quốc tế Sơn Hà                            | Công ty cùng Tập đoàn  |
| Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh thương mại Vinaconex | Công ty cùng Tập đoàn Công ty cổ phần quốc tế Sơn Hà   |
| Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Kiến Hưng        | Công ty cùng Tập đoàn Công ty cổ phần quốc tế Sơn Hà   |
| Công ty TNHH một thành viên quốc tế Sơn Hà Chu Lai        | Công ty cùng Tập đoàn Công ty cổ phần quốc tế Sơn Hà   |
| Công ty cổ phần phát triển năng lượng Sơn Hà              | Một số thành viên trong Hội đồng quản trị Công ty là thành viên trong Ban điều hành Công ty cổ phần phát triển năng lượng Sơn Hà |

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn với các bên liên quan khác như sau:

|                                       | <u>Năm nay</u>  | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------------|-----------------|------------------|
| <b>Công ty cổ phần quốc tế Sơn Hà</b> |                 |                  |
| Mua hàng hóa, nguyên vật liệu         | 263.509.145.421 | 214.161.999.481  |
| Đi thuê tài sản                       | 121.134.540     | 121.134.540      |
| Cho thuê tài sản                      | 192.145.153     | 159.443.880      |
| Bán hàng hóa                          | 12.718.119.236  | 4.487.426.702    |
| Bán tài sản cố định                   | 80.000.000      | 670.385.606      |
| Phải thu chi hộ                       | 20.611.370      |                  |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|   |                |                |
|---|----------------|----------------|
| <b>Công ty cổ phần phát triển năng lượng Sơn Hà</b> |                |                |
| Mua hàng hóa, nguyên vật liệu                       | 21.214.490.312 | 14.443.901.310 |
| Bán tài sản cố định                                 | 707.967.000    | -              |
| Bán hàng hóa  | -              | 1.132.745.830  |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

|   | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>Công ty cổ phần quốc tế Sơn Hà</b>               |                       |                       |
| Phải thu tiền bán hàng                              | 771.700               | -                     |
| <b>Cộng nợ phải thu</b>                             | <u>771.700</u>        | <u>-</u>              |
| <b>Công ty cổ phần quốc tế Sơn Hà</b>               |                       |                       |
| Phải trả tiền mua hàng hóa, nguyên vật liệu         | 50.605.627.771        | 57.936.116.353        |
| <b>Công ty cổ phần phát triển năng lượng Sơn Hà</b> |                       |                       |
| Phải trả tiền mua hàng                              | 2.527.803.138         | 948.891.140           |
| <b>Cộng nợ phải trả</b>                             | <u>53.133.430.909</u> | <u>58.885.007.493</u> |

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phụ vụ cho các thị trường khác nhau.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực : Hàng gia dụng.
- Lĩnh vực : Hàng công nghiệp.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

|  | <u>Hàng gia dụng</u>   | <u>Hàng công nghiệp</u> | <u>Các khoản loại trừ</u> | <u>Cộng</u>            |
|--|------------------------|-------------------------|---------------------------|------------------------|
| <b>Năm nay</b>   |                        |                         |                           |                        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài     | 238.474.610.690        | 205.859.231.114         | -                         | 444.333.841.804        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | -                      | -                       | -                         | -                      |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>      | <u>238.474.610.690</u> | <u>205.859.231.114</u>  | <u>-</u>                  | <u>444.333.841.804</u> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận                                  | 44.892.034.082         | 15.803.207.249          | -                         | 60.695.241.331         |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận                           |                        |                         |                           | (43.111.844.207)       |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                                |                        |                         |                           | 17.583.397.124         |
| Doanh thu hoạt động tài chính                                    |                        |                         |                           | 58.008.859             |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

96  
37  
MHI  
VÀ  
(  
VTC

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|   | Hàng gia dụng          | Hàng công nghiệp       | Các khoản loại trừ | Cộng                   |
|---|------------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
| Chi phí tài chính   |                        |                        |                    | (4.178.959.646)        |
| Thu nhập khác   |                        |                        |                    | 423.421.112            |
| Chi phí khác  |                        |                        |                    | (666.431.492)          |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |                        |                        |                    | (3.051.098.810)        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |                        |                        |                    | -                      |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                     |                        |                        |                    | <b>10.168.337.147</b>  |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b> |                        |                        |                    | <b>4.332.132.201</b>   |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                   |                        |                        |                    | <b>4.825.020.710</b>   |
| <b>Năm trước</b>  |                        |                        |                    |                        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                        | 165.005.278.246        | 179.085.747.298        | -                  | 344.091.025.544        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận                    | -                      | -                      | -                  | -                      |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                         | <b>165.005.278.246</b> | <b>179.085.747.298</b> | <b>-</b>           | <b>344.091.025.544</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | 32.099.349.550         | 14.205.937.419         |                    | 46.305.286.969         |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |                        |                        |                    | (36.220.284.308)       |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |                        |                        |                    | 10.085.002.661         |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |                        |                        |                    | 2.280.798.574          |
| Chi phí tài chính   |                        |                        |                    | (4.894.375.999)        |
| Thu nhập khác   |                        |                        |                    | 983.071.006            |
| Chi phí khác  |                        |                        |                    | (931.602.657)          |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |                        |                        |                    | (2.000.934.752)        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |                        |                        |                    | -                      |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                     |                        |                        |                    | <b>5.521.958.833</b>   |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b> |                        |                        |                    | <b>6.174.598.507</b>   |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                   |                        |                        |                    | <b>5.758.478.331</b>   |

**Khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**3. Quản lý rủi ro tài chính****Tổng quan**

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

#### **Phải thu khách hàng**

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### **Tiền gửi ngân hàng**

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

|                                    | Chưa quá hạn<br>hay chưa bị<br>giảm giá | Chưa quá hạn<br>nhưng bị<br>giảm giá | Đã quá hạn<br>nhưng không<br>giảm giá | Đã quá hạn<br>và/hoặc bị<br>giảm giá | Cộng                  |
|------------------------------------|---|--------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| <b>Số cuối năm</b>                 |   |                                      |                                       |                                      |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 11.685.922.233                          | -                                    | -                                     | -                                    | 11.685.922.233        |
| Phải thu khách hàng                | 38.479.999.841                          | -                                    | -                                     | 2.759.971.080                        | 41.239.970.921        |
| Các khoản phải thu khác            | 470.420.038                             | -                                    | -                                     | -                                    | 470.420.038           |
| <b>Cộng</b>                        | <b>50.636.342.112</b>                   | <b>-</b>                             | <b>-</b>                              | <b>2.759.971.080</b>                 | <b>53.396.313.192</b> |
| <b>Số đầu năm</b>                  |   |                                      |                                       |                                      |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.069.788.896                           | -                                    | -                                     | -                                    | 4.069.788.896         |
| Phải thu khách hàng                | 46.059.854.790                          | -                                    | -                                     | 2.339.353.994                        | 48.399.208.784        |
| Các khoản phải thu khác            | 162.623.365                             | -                                    | -                                     | 9.034.000                            | 171.657.365           |
| <b>Cộng</b>                        | <b>50.292.267.051</b>                   | <b>-</b>                             | <b>-</b>                              | <b>2.348.387.994</b>                 | <b>52.640.655.045</b> |

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

|                         | <u>Từ 01 năm<br/>trở xuống</u> | <u>Trên 01 năm<br/>đến 05 năm</u> | <u>Trên 05 năm</u> | <u>Cộng</u>            |
|-------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|--------------------|------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>      |                                |                                   |                    |                        |
| Vay và nợ               | 39.822.833.069                 | 8.162.514.801                     | -                  | 47.985.347.870         |
| Phải trả người bán      | 62.620.303.969                 | -                                 | -                  | 62.620.303.969         |
| Các khoản phải trả khác | 1.466.211.872                  | 238.100.000                       | -                  | 1.704.311.872          |
| <b>Cộng</b>             | <b>103.909.348.910</b>         | <b>8.400.614.801</b>              | -                  | <b>112.309.963.711</b> |
| <b>Số đầu năm</b>       |                                |                                   |                    |                        |
| Vay và nợ               | 36.060.177.641                 | 10.975.325.000                    | -                  | 47.035.502.641         |
| Phải trả người bán      | 67.697.908.530                 | 10.000.000                        | -                  | 67.707.908.530         |
| Các khoản phải trả khác | 781.151.969                    | 159.500.000                       | -                  | 940.651.969            |
| <b>Cộng</b>             | <b>104.539.238.140</b>         | <b>11.144.825.000</b>             | -                  | <b>115.684.063.140</b> |

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất sản phẩm với đồng tiền giao dịch là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

|  | <u>Số cuối năm<br/>(USD)</u> | <u>Số đầu năm<br/>(USD)</u> |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền                 | 102,70                       | 102.06                      |
| Phải trả người bán                                 | -                            | (81,046.90)                 |
| <b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b> | <b>102,70</b>                | <b>(80,944.84)</b>          |

1904  
CÔN  
CH NH  
1 TOÁ  
A  
3/1/14

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sơn Hà đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

|                                    | Số cuối năm<br>(VND)    | Số đầu năm<br>(VND)     |
|------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Vay và nợ                          | (47.985.347.870)        | (47.035.502.641)        |
| <b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần</b> | <b>(47.985.347.870)</b> | <b>(47.035.502.641)</b> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 959.706.957 VND (năm trước giảm/tăng 705.532.540 VND).

#### Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/ nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

#### Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

#### 4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

##### Tài sản tài chính

|                                    | Giá trị ghi sổ        |                        |                       |                        | Giá trị hợp lý        |                       |
|------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                    | Số cuối năm           |                        | Số đầu năm            |                        | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|                                    | Giá gốc               | Dự phòng               | Giá gốc               | Dự phòng               |                       |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 11.685.922.233        | -                      | 4.069.788.896         | -                      | 11.685.922.233        | 4.069.788.896         |
| Phải thu khách hàng                | 41.239.970.921        | (1.479.517.519)        | 48.399.208.784        | (1.049.767.940)        | 39.760.453.402        | 47.349.440.844        |
| Các khoản phải thu khác            | 470.420.038           | -                      | 171.657.365           | (6.323.800)            | 470.420.038           | 165.333.565           |
| <b>Cộng</b>                        | <b>53.396.313.192</b> | <b>(1.479.517.519)</b> | <b>52.640.655.045</b> | <b>(1.056.091.740)</b> | <b>51.916.795.673</b> | <b>51.584.563.305</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### Nợ phải trả tài chính

|                         | Giá trị ghi sổ         |                        | Giá trị hợp lý         |                        |
|-------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                         | Số cuối năm            | Số đầu năm             | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| Vay và nợ               | 47.985.347.870         | 47.035.502.641         | 47.985.347.870         | 47.035.502.641         |
| Phải trả người bán      | 62.620.303.969         | 67.707.908.530         | 62.620.303.969         | 67.707.908.530         |
| Các khoản phải trả khác | 1.704.311.872          | 940.651.969            | 1.704.311.872          | 940.651.969            |
| <b>Cộng</b>             | <b>112.309.963.711</b> | <b>115.684.063.140</b> | <b>112.309.963.711</b> | <b>115.684.063.140</b> |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính là giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2015

  
Nguyễn Văn Tuấn  
Người lập biểu

  
Ngô Thị Thanh Lan  
Kế toán trưởng

  
Nghiêm Phú Hùng  
Tổng Giám đốc



C. T. T. N. H.  
H. H. M. M.  
H. H. M. M.  
H. H. M. M.